

Số: 64 /2019/QĐ-UBND

Nghệ An, ngày 24 tháng 12 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung Khoản 2, Điều 2, Quyết định số 71/2017/QĐ-UBND ngày 28/11/2017 của UBND tỉnh quy định giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà khi đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng trên địa bàn tỉnh Nghệ An

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 140/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ về lệ phí trước bạ; số 20/2019/NĐ-CP ngày 21/02/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 140/2016/NĐ-CP;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính: số 301/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 hướng dẫn về lệ phí trước bạ và số 20/2019/TT-BTC ngày 09/4/2019 về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 301/2016/TT-BTC;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Trưởng Bộ Xây dựng: số 03/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng; số 07/2019/TT-BXD ngày 07/11/2019 của Bộ Xây dựng Sửa đổi, bổ sung, thay thế một số quy định tại Thông tư số 03/2016/TT-BXD;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 4165/TTr-STC ngày 22/11/2019.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Khoản 2, Điều 2, Quyết định số 71/2017/QĐ-UBND ngày 28/11/2017 của UBND tỉnh Nghệ An quy định giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà khi đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng trên địa bàn tỉnh Nghệ An, như sau:

"2. Những loại nhà chưa được quy định tại Khoản 1, Điều này thì áp dụng theo mức giá sau:

STT	Loại công trình	Đơn vị	Mức giá (đồng)
I	Nhà chung cư, kết cấu dạng nhà cao tầng khác		
1	Nhà chung cư cấp III, kết cấu dạng nhà cao tầng khác (≤ 7 tầng)		
1.1	≤ 5 tầng	M ² sàn	6.370.000
1.2	$5 < \text{số tầng} \leq 7$	M ² sàn	8.240.000

2	Nhà chung cư cấp II, kết cấu dạng nhà cao tầng khác (7 < số tầng ≤ 25)		
2.1	7 < số tầng ≤ 10	M ² sàn	8.490.000
2.2	10 < số tầng ≤ 15	M ² sàn	8.880.000
2.3	15 < số tầng ≤ 18	M ² sàn	9.520.000
2.4	18 < số tầng ≤ 20	M ² sàn	9.920.000
2.5	20 < số tầng ≤ 25	M ² sàn	11.050.000
3	Nhà chung cư cấp I, kết cấu dạng nhà cao tầng khác (Số tầng > 25)		
3.1	25 < số tầng ≤ 30	M ² sàn	11.600.000
3.2	30 < số tầng ≤ 35	M ² sàn	12.690.000
3.3	35 < số tầng ≤ 40	M ² sàn	13.630.000
3.4	40 < số tầng ≤ 45	M ² sàn	14.580.000
3.5	45 < số tầng ≤ 50	M ² sàn	15.520.000
II	Nhà biệt thự		
1	Biệt thự song lập (Biệt thự song đôi)	M ² sàn	6.370.000
2	Biệt thự đơn lập (Biệt thự riêng biệt)	M ² sàn	6.970.000
3	Biệt thự cao cấp	M ² sàn	8.760.000

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2020.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính (để bc);
- Tổng Cục Thuế (để bc);
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh uỷ, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh Nghệ An;
- Trung tâm Công báo;
- Chánh VP, PVP.KT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, KT (Nam).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Hồng Vinh